

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HC-ST

Ngày 26-4-2022

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành
chính về giải quyết tranh chấp đất
đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Duyên

Ông Mai Huy Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đại Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 30 tháng 3 năm 2022 và 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án
nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý
số 34/2021/TLST-HC ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Khiếu kiện Quyết định
hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 26/2022/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 3 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên
tòa số 05/2022/QĐST-HC ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi
thời gian mở lại phiên tòa số 90/2022/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các
đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 8/5A, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Địa chỉ: Số 1939, quốc lộ 55, thị trấn Long Điền, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng
Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Kim Phúc - Chức vụ: Phó Chủ tịch

UBND huyện L.

Là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số 2406/GUQ-UBND ngày 26-3-2021 (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp:

- Bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp An Phước, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- Ông Mạch Văn L, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 1939, quốc lộ 55, thị trấn Long Điền, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1963 (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1965 (có mặt).

3.3. Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1966 (có mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị Thanh H sinh năm: 1972 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 6/1C ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.5. Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Số 54Y1 khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.6. Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm: 1975

Địa chỉ: GroteBeer Stroast 11B, 3204VA, Hà Lan (có đơn xin vắng mặt).

3.7. Bà Lê Thị P, sinh năm: 1951

Địa chỉ: Số 8/5A, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.8. Ông Trần Quốc H, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.9. Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.10. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 86 đường N, Phường 1, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 20-2-2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L ban hành Quyết định số 491/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị H (đã chết), ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh B, Nguyễn Thị Thanh H với ông Trần Quốc T đã công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp diện tích 1.462,2 m² gồm thửa đất số 628 diện tích 1.427,9 m² và thửa đất số 658 diện tích 34,3 m² cùng thuộc tờ bản đồ số 07 tại xã A, huyện L theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L lập ngày 26-9-2019 cho các đồng thừa kế của bà Trần Thị H (Quyết định 491).

Ông Trần Quốc T không đồng ý đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 491.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Trần quốc T trình bày:

Năm 1969, ông Trần Văn S là ông nội của ông T qua đời. Ông Trần Thanh S là cha ông T đưa đi chôn cất ở khu vực Suối Dương (nay là ấp A, xã A trên tuyến đường tỉnh lộ 44). Thời điểm đó, khu vực này là gò đất nhỏ nên ông Sơn đã mua đất san lấp để làm nghĩa trang họ Trần. Đến năm 1973, ông Sơn xây dựng tường rào kiên cố với chi phí xây dựng là 497.810 đồng. Năm 1981, ông Sơn chết cũng được chôn cất tại đây. Trên đất có chôn mộ của 05 người gồm ông bà cô, ông Sen, ông Sơn và ông Nguyễn Tương Phùng (chồng bà Trần Thị H). Bà H là con gái của ông Sen, chị của ông Sơn. Sau khi ông Sơn chết thì bà Lê Thị Phước (mẹ ông T) quản lý khu lăng mộ, hàng năm bà Phước thuê người nhật cỏ tảo mộ nhưng không canh tác. Năm ông T 18 tuổi, bà Phước giao lại khu lăng mộ cho ông T quản lý, mỗi năm ông T tảo mộ một lần.

Năm 2018, có doanh nghiệp đến mua đất xung quanh khu lăng mộ để làm dự án. Ông T sợ khu lăng mộ bị ảnh hưởng đã làm đơn ngăn chặn thì được biết bà H đã kê khai, đăng ký đối với phần đất này. Sau đó thì gia đình bà H có đơn tranh chấp đất với ông T.

Phần đất lăng mộ diện tích là 1462,2 m² thuộc thửa đất 628 và 658, tờ bản đồ số 7 tại xã A, huyện L có nguồn gốc do ông Sơn khai phá (không có giấy tờ), sau đó xây dựng thành khu lăng mộ, được gia đình quản lý liên tục từ khi khai phá. Bà H không có công khai phá, cũng không đóng góp vào việc xây lăng mộ nhưng Chủ tịch UBND huyện L lại ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai theo hướng công nhận quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của bà H là không đúng về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 491.

Ý kiến của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện L:

- Về nguồn gốc đất tranh chấp: Bà H khai đất do bà H khai phá và sử dụng vào khoảng tháng 5-1969, trên đất có chôn mồ mả của gia tộc. Ông T cũng khai đất

có nguồn gốc do khai phá từ năm 1969 nhưng người khai phá là ông là Trần Thanh S, cha của ông T, không phải bà H. Ông T cung cấp bảng chiết tính thành tiền xây mồ mả với số tiền 497.810 đồng và chi phí tổ chức tiệc tạ mả với số tiền 48.235 đồng. Những giấy tờ do ông T cung cấp không chứng minh được đất có nguồn gốc do ông Sơn khai phá và sử dụng.

- Về hồ sơ địa chính: Theo bản đồ địa chính năm 1996, thửa đất số 628 có tổng diện tích 1.523m², loại đất “gò” do bà Trần Thị H đăng ký tên trong Sổ mục kê đất đai năm 1996; thửa đất số 658 có tổng diện tích 9.229m², loại đất dùng, tờ bản đồ số 07 do bà Huỳnh Thị Thanh K đứng tên trong Sổ mục kê đất đai năm 1996.

Theo Bản đồ địa chính năm 2006, thửa đất số 628 có tổng diện tích 1.524m², loại đất “BHK” (Đất bằng trồng cây hàng năm khác) do bà Trần Thị H đăng ký tên trong Sổ mục kê đất đai năm 2006; thửa đất số 658 có tổng diện tích 7.398m², loại đất “LMU” (Đất làm muối) do bà Huỳnh Thị Thanh K đăng ký tên trong Sổ mục kê đất đai năm 2006.

Thửa đất số 658, diện tích 9.229m², tờ bản đồ số 07 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) số K 718995 ngày 09-5-1998 cho bà Huỳnh Thị Thanh K. Trong quá trình sử dụng đất có biến động do chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đến năm 2016, thửa đất số 658 đã được chỉnh lý lại diện tích là 7.061,2m², giảm 663,8m² do Bản đồ số hóa và không sử dụng. Phần diện tích tranh chấp 34,3m² tại thửa đất số 658 nằm trong phần bà K không sử dụng đã chỉnh lý ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K (đây là phần đất nằm bên trong tường rào cũ phía đông của khu đất)

- Quá trình xin cấp Giấy CNQSDĐ: Năm 2006, bà H làm thủ tục xin cấp Giấy CNQSDĐ thửa 628, diện tích 1.312,4m², nguồn gốc đất do khai hoang phục hóa năm 1969, sử dụng ổn định đến nay. Ngày 12-02-2007, UBND xã A đã xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất là do khai hoang từ năm 1969, có chôn mồ mả, sử dụng liên tục cho đến nay. Ngày 11-4-2007, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện có ý kiến về hồ sơ của bà Trần Thị H: Bản vẽ đo đạc chồng lấn ranh; xác minh lại mục đích sử dụng đất là đất nông nghiệp hay đất nghĩa địa. Nếu là đất đang sử dụng có chôn mồ mả thì điều chỉnh bản vẽ và không tính diện tích mồ mả. Sau đó Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện đã chuyển trả hồ sơ cho UBND xã A. Từ đó đến thời điểm phát sinh tranh chấp, UBND xã A chưa hoàn chỉnh lại hồ sơ để chuyển về huyện. Đính kèm hồ sơ, có giấy xác nhận ngày 22-11-2006 của UBND xã A về việc bà Trần Thị H đã nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp tại thửa đất số 628, tờ bản đồ số 07 theo Biên lai thu thuế sử dụng đất số 022677 (nộp cho năm 1993 đến năm 2000) và số 022678 (nộp cho năm 2001 đến 2002).

- Về hiện trạng đất: Trên thửa đất 628, tờ bản đồ số 07 có chôn cất 05 người trong gia tộc (01 mộ đôi và 03 mộ riêng lẻ), là đất trống, cây mọc tự nhiên.

Như vậy, đối với phần đất tranh chấp thì bà H có quá trình sử dụng đất ổn định, có thực hiện việc nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, có đăng ký kê khai trong Sổ mục kê đất đai qua các thời kỳ, có sự xác nhận của UBND xã A về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất nên có cơ sở để được công nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Tuy nhiên, bà H đã chết ngày 20-9-2019 nên công nhận quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của bà H. Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định 491 là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- *Ý kiến của các ông (bà) Lê Thị P, Trần Quốc H, Trần Thị Mỹ L và Trần Quốc T:*

Thông nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông Trần quốc T, đề nghị Tòa án hủy Quyết định 491.

- *Ý kiến ông Nguyễn Thanh N:*

Ông (bà) ngoại của ông Nhựt là Trần Văn S, Bùi Thị có 02 người con là bà Trần Thị H và ông Trần Thanh S. Ông N là con bà H còn ông T là con ông S. Bố ông N là ông Nguyễn Tương P chết năm 1989, bà H chết năm 2019. Ông N, bà H chết không để lại di chúc.

Tháng 5-1969, bà H có khai phá 02 thửa đất ở ấp A, xã A. Một thửa để xây dựng nhà ở, trồng cây ăn trái và trồng lúa, 01 thửa đất gò cây cối mọc. Sau đó, bà H đã mướn người phát hoang, dọn dẹp phần đất gò này để canh tác và sản xuất, trong đó có diện tích đất 1.462,2 m² ông T đang tranh chấp.

Việc khai phá đất bà H không có tài liệu, chứng cứ gì nhưng ban ấp và cán bộ xã đều biết. Năm 2006, bà H làm đơn xin cấp giấy chứng nhận, được Ủy ban nhân dân xã A xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất là do khai hoang từ năm 1969, có chôn mồ mả, sử dụng liên tục cho đến nay.

Quá trình sử dụng đất, bà H không bị ai ngăn cản, tranh chấp hay xử phạt gì. Bà H đi đăng ký kê khai, có tên trong sổ mục kê, hồ sơ địa chính qua các năm và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước từ năm 1993 đến năm 2002 thì được miễn giảm không đóng nữa.

Năm 2018, khi bà H đang làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ thì ông T có đơn ngăn cản. Ông T cho rằng đất do cha ông T khai phá nhưng không có chứng cứ gì. Đất là do bà H khai phá nên gia đình bà H có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp với ông T. Ngày 20-2-2020, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định 491 về việc giải quyết tranh chấp đất đai đã công nhận quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế

của bà H là đúng quy định. Đối với bảng kê khai tiền xây mộ phía ông T cung cấp là tiền xây mộ ông Sơn. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định 491.

- Ý kiến các ông (bà) Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh B:

Thông nhất với ý kiến của ông Nguyễn Thanh N, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định 491.

- Ý kiến bà Nguyễn Thị Thanh P:

Trước đây, bà P đã có văn bản từ chối nhận tài sản của mẹ là bà Trần Thị H, trong đó có cả tài sản ông T đang tranh chấp. Qua yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà P từ chối tham gia tố tụng và từ chối nhận các văn bản của Tòa án. Hiện nay bà P sinh sống ở nước ngoài nên xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng Hành chính. Tuy nhiên, vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Ông T và bà H không ai cung cấp được giấy tờ về đất đai liên quan đến diện tích đất tranh chấp 1.462,2 m² thuộc thửa đất số 628 và 658, tờ bản đồ số 07 tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhưng bà H có quá trình sử dụng đất ổn định, có đi đăng ký kê khai và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước, được UBND xã A xác nhận. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện L giải quyết tranh chấp đất đai theo hướng công nhận quyền sử dụng đất cho bà H (nay là các con bà H) là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định 491.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. *Về đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 20-02-2020 của Chủ tịch UBND

huyện L là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 491 nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính.

[3]. *Về thời hiệu khởi kiện*: Ngày 12-11-2020, ông T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính.

[4]. *Về tính hợp pháp của Quyết định 491*:

[4.1]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền:

Quyết định 491 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

[4.2]. Về nội dung Quyết định 491:

[4.2.1]. Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Ông Trần quốc T tranh chấp với bà Trần Thị H (thừa kế là các ông (bà) Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh B, Nguyễn Thị Thanh P) quyền sử dụng đất diện tích 1462,2 m² thuộc thửa đất số 628/1.427,9 m² và thửa đất số 658/34,3 m², cùng tờ bản đồ số 07 tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo gia đình bà H, đất có nguồn gốc do bà H khai phá và sử dụng từ tháng 5-1969 đến nay, trên đất có chôn mồ mả thân tộc. Ông T cũng thừa nhận đất có nguồn gốc do khai phá từ năm 1969, trên đất có chôn mồ mả thân tộc nhưng người khai phá đất là ông là Trần Thanh S, cha của ông T chứ không phải bà H. Tuy nhiên, cả gia đình bà H và ông T đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc khai phá đất. Những giấy tờ do ông T giao nộp là bảng chiết tính thành tiền xây mộ cho ba với số tiền 497.810 đồng và chi phí tổ chức tiệc tạ mả với số tiền 48.235 đồng không có giá trị chứng minh đất có nguồn gốc do ông Sơn khai phá và sử dụng.

[4.2.2]. Về hồ sơ quản lý đất đai:

Tại Sổ mục kê đất xã A năm 1996: Thửa đất 628, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.523 m², loại đất “gò” do bà Trần Thị H đứng tên đăng ký. Thửa đất số 658, tờ bản đồ số 07, diện tích 9.229 m², loại đất ruộng do bà Huỳnh Thị Thanh K đứng tên đăng ký.

Tại Sổ mục kê đất xã A năm 2006: Thửa đất 628, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.524 m², loại đất “BHK” (Đất bằng trồng cây hàng năm khác) do bà Trần Thị H

đứng tên đăng ký. Thửa đất số 658, tờ bản đồ số 07, diện tích 7.398 m², loại đất “LMU” (Đất làm muối) do bà Huỳnh Thị Thanh K đứng tên đăng ký.

Thửa đất số 658 đã được cấp Giấy CNQSDĐ cho bà K. Phần diện tích 34,3 m² thuộc một phần thửa đất 658 bà K không sử dụng đã được chỉnh lý ra khỏi Giấy CNQSDĐ của bà Khiết (đây là phần đất nằm bên trong tường rào cũ phía đông của khu đất).

[4.2.3]. Quá trình cấp Giấy CNQSDĐ và phát sinh tranh chấp:

Ngày 11-5-2006, bà H làm đơn xin cấp Giấy CNQSDĐ diện tích 1.312,4 m², số thửa 628, số tờ bản đồ 07 tại xã A, huyện L (theo Sơ đồ vị trí thửa đất lập ngày 07-11-2006 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường).

Ngày 22-11-2006, UBND xã A xác nhận bà H đã nộp biên lai thu thuế số 22677 và số 22678 cùng ngày 22-11-2006. Theo đó, bà H đã nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với thửa đất 628, tờ bản đồ 07 từ năm 1993 đến năm 2000 và từ năm 2000 đến năm 2001.

Ngày 12-02-2007, UBND xã A xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất: *“Phần đất do khai hoang từ năm 1969, có chôn mồ mả, sử dụng liên tục cho đến nay, không tranh chấp”*.

Ngày 11-4-2007, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện L chuyển trả hồ sơ cho UBND xã A do bản vẽ đo đạc chồng lấn ranh và để xác minh lại mục đích sử dụng đất là đất nông nghiệp hay đất nghĩa địa. UBND xã A chưa hoàn chỉnh lại hồ sơ thì xảy ra tranh chấp.

Ngày 28-5-2019, ông T cùng mẹ và các em là bà Lê Thị Phước, ông Trần Quốc Hưng, bà Trần Thị Mỹ Loan và ông Trần Quốc Thịnh làm đơn ngăn chặn việc cấp Giấy CNQSDĐ.

Ngày 03-7-2019, bà H cùng các con là ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh B và Nguyễn Thị Thanh H làm đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với ông T.

UBND xã A tiến hành hòa giải nhưng không thành, sau đó hồ sơ được chuyển đến UBND huyện L để giải quyết theo thẩm quyền.

[4.2.4]. Về hiện trạng và diện tích đất tranh chấp:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22-4-2022, trên đất có 04 ngôi mộ xây, trong đó 01 ngôi mộ mới bốc. Ngoài 04 ngôi mộ thì hiện trạng là đất trống, chỉ có cây mọc tự nhiên, không có ai canh tác sử dụng.

Theo Sơ đồ vị trí thửa đất lập ngày 26-9-2019 (được xử lý nội nghiệp ngày 22-4-2022) của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đức thì đất tranh

chấp có tổng diện tích là 1462,2 m² gồm thửa đất 628 diện tích 1.427,9 m² và thửa đất 658 diện tích 34,3 m² cùng thuộc tờ bản đồ số 07 tại xã A. Diện tích đất tranh chấp 1462,2 m² đã trừ diện tích 04 ngôi mộ và đường đi vào các ngôi mộ.

[4.2.5]. Như vậy, cả ông T và bà H đều không cung cấp được các giấy tờ về đất đai để chứng minh quyền sử dụng đất của mình nhưng bà H có quá trình sử dụng đất ổn định, đã đi đăng ký kê khai và có tên trong sổ mục kê đất qua các thời kỳ. Bà H đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước từ năm 1993 đến năm 2001, được UBND xã A xác nhận nguồn gốc đất do khai hoang từ năm 1969, sử dụng đất liên tục nên có cơ sở để công nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Tuy nhiên, do bà H chết ngày 20-9-2019, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định 491 về việc giải quyết tranh chấp đất đai đã công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1462,2 m² cho các đồng thừa kế của bà H gồm các ông (bà) Thiên, Bạch, Nhựt, Minh, Hà và phượng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

[5]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định 491. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[6]. *Về án phí hành chính sơ thẩm*: Ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T về việc hủy Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 20-02-2020 của Chủ tịch UBND huyện L về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị H (đã chết), ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh B, Nguyễn Thị Thanh H với ông Trần quốc T tại xã A, huyện L.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007396 ngày 18-01-2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành tiền án phí. Ông Trần Quốc T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ly

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Mai

Từ Văn Hoàng

Nguyễn Thị Ly